

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim O, Sinh năm 1978 Địa chỉ: abc ấp TT, xã XTĐ, huyện H, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Trần Quốc K Sinh năm 1977

Địa chỉ: xyz ấp TT, xã XTĐ, huyện H, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, Bản tự khai ngày 11/03/2020, Các Biên bản không tiến hành hòa giải ngày 11/3/2020, ngày 09/4/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Kim O trình bày:

Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, năm 1999 bà O, ông K tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XTĐ, huyện H, TP.HCM ngày 08/9/2006 theo quy định. Sau khi xây dựng gia đình xong vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà chồng số xyz ấp TT, xã XTĐ, huyện H, TP.HCM đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, ông K thường xuyên tụ đánh bạc, không lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình và ngoại tình với người phụ nữ khác. Năm 2014, bà O quyết định ly thân đưa con

về bên ngoài sống và từ năm 2014 đến năm 2017, ông K đã quen biết và chung sống với người phụ nữ khác đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà O yêu cầu được ly hôn với ông K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: có 01 con chung tên: Trần Khánh C, sinh ngày 19/11/1999, đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Trần Quốc K vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lương Thị Kim O khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Quốc K, quan hệ tranh chấp giữa bà O và ông K là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Trần Quốc K có hộ khẩu thường trú tại xyz ấp TT, xã XTĐ, huyện H, Tp.HCM nên căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Kim O và ông Trần Quốc K: Bà O, ông K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XTĐ, huyện H, TP.HCM ngày 08/9/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo điều 08, điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà O yêu cầu ly hôn với ông K nên Tòa án nhân dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà O vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K do bất đồng quan điểm sống, ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, đời sống hôn nhân không được hạnh phúc. Hiện tại ông K đã và đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác từ năm 2014 đến nay. Chính vì vậy, bà O xác nhận không còn tin tưởng và không thể tha thứ cho ông K vì tình yêu thương vợ chồng giữa đôi bên cũng không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ gia đình. Mặc dù bà O đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, ông K vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi mà ngày càng có xu hướng không tôn trọng vợ. Năm 2014 bà O đã đưa con về nhà mẹ ruột ở và từ đó đến

nay. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bà O và ông K có thời gian chung sống từ năm 1999 đến năm 2014, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Năm 2014 bà O đã ly thân với ông K đến nay, ông K cũng không liên lạc và thăm nom chăm sóc con cũng như có động thái hàn gắn với bà O. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà O là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông K theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà O và ông K có 01 con chung tên Trần Khánh C, sinh ngày 19/11/1999, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn là ông Trần Quốc K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông K không quan tâm giải quyết mâu thuẫn với bà O và hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lương Thị Kim O chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Kim O: Bà Lương Thị Kim O, sinh năm 1978 được ly hôn với ông Trần Quốc K, sinh năm 1977.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Khánh C, sinh ngày 19/11/1999. Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Lương Thị Kim O phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0074463 ngày 11/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà O đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã XTĐ,
huyện H, TPHCM;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc